

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý phát triển chương trình giáo dục nhà trường ở các trường tiểu học vùng dân tộc thiểu số, miền núi huyện Chiêm Hoá tỉnh Tuyên Quang

Trần Thị Phượng

Giảng viên Khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường ĐHSP - Đại học Thái Nguyên

Received: 15/9/2023 Accepted: 22/9/2023 Published: 10/10/2023

Abstract: *In the context of educational management innovation and especially the current context of implementing the 2018 General Education Program, primary schools are proactive in building school education plans, which are essentially are empowered to develop the school's educational program to be able to most effectively implement the educational program in the specific conditions of the educational institution. Primary schools in Chiem Hoa district, Tuyen Quang province, especially primary schools with many ethnic minority students, have developed school education programs, however, management staff, School teachers still face many difficulties due to lack of knowledge, and the organization of teaching and education still relies heavily on prior experience...*

Keywords: *Current situation and factors*

1. Đặt vấn đề

Chiêm Hoá là một huyện miền núi của tỉnh Tuyên Quang tập trung nhiều dân tộc thiểu số (DTTS) sinh sống. Các trường tiểu học trên địa bàn huyện chủ yếu là học sinh người DTTS, thêm nữa lại sinh sống ở khu vực kinh tế còn hạn chế. Cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên của các nhà trường có nhiều hạn chế, thiếu thốn. Với học sinh người DTTS, khó khăn lớn nhất là hạn chế về việc nói tiếng Việt của học sinh cũng như những khác biệt về phong tục, tập quán, lối sống... Điều này đòi hỏi các nhà trường phải tăng cường dạy học tiếng Việt, dạy kỹ năng sống... cho học sinh để các em có thể tham gia học tập hiệu quả tại các nhà trường. Bên cạnh đó, tùy theo đặc thù của học sinh cũng như điều kiện cụ thể của các nhà trường có thể phải tăng cường thêm nhiều nội dung giáo dục có tính đặc thù để giúp hình thành phẩm chất, năng lực cho học sinh.

Trong bối cảnh đổi mới quản lý giáo dục và đặc biệt là bối cảnh thực hiện Chương trình GDPT 2018 hiện nay, các trường tiểu học được chủ động trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, về bản chất chính là được trao quyền PTCTGDNT để có thể thực hiện hiệu quả nhất chương trình giáo dục trong điều kiện cụ thể của cơ sở giáo dục. Các trường tiểu học trên địa bàn huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, đặc biệt là các trường tiểu học có nhiều học sinh người DTTS đã thực hiện PTCTGDNT tuy

nhiên, cán bộ quản lý, giáo viên các trường vẫn gặp nhiều khó khăn do chưa có kiến thức, kỹ năng về PTCT, việc tổ chức dạy học và giáo dục còn dựa nhiều trên kinh nghiệm đã có... Cán bộ quản lý chưa thực sự chủ động trong các khâu để quản lý PTCTGDNT. Do vậy, PTCTGDNT của các trường tiểu học vùng DTTS, MN còn nhiều hạn chế.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đối tượng, địa bàn khảo sát

Mục đích khảo sát là đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý phát triển CTGD ở các trường tiểu học vùng dân tộc thiểu số, miền núi huyện Chiêm Hoá tỉnh Tuyên Quang.

Dựa trên cơ sở nghiên cứu các thực trạng tác giả sẽ có căn cứ để đề xuất những biện pháp để quản lý phát triển CTGD ở các trường tiểu học vùng dân tộc thiểu số, miền núi huyện Chiêm Hoá tỉnh Tuyên Quang phù hợp với đặc điểm của từng nhà trường và đáp ứng được những yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Khảo sát 24 CBQL (bao gồm Hiệu trưởng, Hiệu phó, Tổ trưởng tổ chuyên môn), 66 GV, 60 em HS của 04 trường Tiểu học trên địa bàn huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang gồm: TH Vinh Quang, TH Kim Bình, TH Linh Phú và TH Tri Phú. Công cụ khảo sát: Ở đây tác giả sử dụng bảng hỏi được thiết kế cho từng đối tượng khảo sát và xử lý kết quả bằng phương pháp thống kê xoay quanh nội dung

trong quy trình phát triển chương trình. Ngoài ra các đối tượng còn được phỏng vấn thêm về những nội dung mà luận văn đang hướng tới cũng như các sản phẩm của hoạt động, chính là nội dung của phát triển CTGD và quản lý phát triển CTGD của nhà trường

Ở đây tác giả sử dụng bảng hỏi được thiết kế cho từng đối tượng khảo sát và xử lý kết quả bằng phương pháp thống kê xoay quanh nội dung trong quy trình phát triển chương trình. Ngoài ra các đối tượng còn được phỏng vấn thêm về những nội dung mà luận văn đang hướng tới cũng như các sản phẩm của hoạt động, chính là nội dung của phát triển CTGD và quản lý phát triển CTGD của nhà trường

2.2. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý phát triển chương trình giáo dục nhà trường ở các trường tiểu học vùng dân tộc thiểu số miền núi huyện Chiêm Hoá tỉnh Tuyên Quang

Thực trạng quản lý phát triển CTGD nhà trường ở các trường Tiểu học vùng DTTs, MN huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang có rất nhiều yếu tố chi phối. Đề tài tập trung tiến hành khảo sát vào các yếu tố qua ý kiến đánh giá của CBQL, GV trong nhà trường để tìm ra được các yếu tố ảnh hưởng đến QL phát triển CTGD nhà trường và được thể hiện qua bảng dưới đây:

Bảng 2.1. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý phát triển chương trình giáo dục nhà trường

Tiêu chí	Mức độ ảnh hưởng						
	1	2	3	4	5	ĐTB	Thứ bậc
Các yếu tố vĩ mô (Quốc gia)							
Chính sách, quan điểm, định hướng phát triển giáo dục của Quốc gia	4	5	27	33	16	3,65	2
Chương trình giáo dục do Bộ GDĐT ban hành	6	8	18	33	18	3,64	3
Quy định về phát triển chương trình giáo dục	7	9	18	33	15	3,55	5
Quy định, các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo về thực hiện chương trình giáo dục	8	5	15	33	17	3,66	1
Các chính sách, quy định khác liên quan đến giáo dục	8	7	22	33	16	3,53	6
Văn hoá - lịch sử dân tộc	6	12	24	33	12	3,43	8
Sự phát triển kinh tế - xã hội	6	6	24	33	16	3,6	4
Các ý tưởng và công nghệ mới	5	13	22	33	16	3,5	7
Trung bình						3,57	
Các yếu tố thuộc về địa phương (Quốc gia)							
Tác động của chính quyền địa phương	9	16	22	33	13	3,28	4
Tác động của cơ quan giáo dục địa phương	6	14	22	33	13	3,41	2
Đặc điểm văn hoá - lịch sử địa phương	6	15	25	33	9	3,32	3

Sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	6	14	25	33	17	3,43	1
Trung bình						3,36	
Các yếu tố đặc thù của nhà trường							
Tác động của cộng đồng dân cư	13	16	13	33	10	3,21	6
Sự tham gia của cha mẹ học sinh	8	17	18	33	16	3,36	5
Sự tham gia của người học vào các quyết định về chương trình	6	13	17	33	15	3,51	3
Sự hợp tác của nhà trường với các chuyên gia và các cơ sở giáo dục khác trong phát triển chương trình	7	11	26	33	17	3,45	4
Vai trò của hiệu trưởng nhà trường	5	9	7	33	28	3,87	1
Vai trò của giáo viên nhà trường	7	8	14	33	21	3,68	2
Trung bình						3,51	

Về các yếu tố vĩ mô: Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến QL phát triển CTGD nhà trường đạt ĐTB là 3,57 ở mức (ảnh hưởng nhiều).

Yếu tố ảnh hưởng lớn nhất trong yếu tố vĩ mô là các “Quy định, các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo về thực hiện chương trình giáo dục” với ĐTB là 3,66. Xếp thứ 2 là các “Chính sách, quan điểm, định hướng phát triển giáo dục của Quốc gia” với ĐTB là 3,65. Xếp thứ 3 là các “Chương trình giáo dục do Bộ GDĐT ban hành” với ĐTB là 3,64. Xếp thứ 4 là “ Sự phát triển kinh tế - xã hội” với ĐTB là 3,6. Xếp thứ 6 là “Các chính sách, quy định khác liên quan đến giáo dục” với ĐTB 3,53. Xếp thứ 7 là yếu tố “Các ý tưởng và công nghệ mới” với ĐTB là 3,5. Yếu tố ảnh hưởng ít nhất đó là “Văn hoá - lịch sử dân tộc” với ĐTB là 3,43.

Về các yếu tố thuộc về địa phương: Yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất đó là “Sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương” với ĐTB là 3,43. Xếp thứ 2 là sự “Tác động của cơ quan giáo dục địa phương” với ĐTB là 3,41. Xếp thứ 3 là “ Đặc điểm văn hoá - lịch sử địa phương” với ĐTB là 3,32. Yếu tố ảnh hưởng ít nhất đó là sự “Tác động của chính quyền địa phương” với ĐTB là 3,28.

Về yếu tố đặc thù của nhà trường với ĐTB là 3,51. Yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đó là “ Vai trò của hiệu trưởng nhà trường” đạt ĐTB là 3,87. Đề tài này tập trung vào vai trò QL của người Hiệu trưởng, người Hiệu trưởng có tư duy chiến lược tốt, xây dựng kế hoạch phát triển CTGD nhà trường chi tiết và phù hợp với đặc điểm của nhà trường là việc làm rất quan trọng. Xếp thứ 2 là “ Vai trò của giáo viên nhà trường” đạt ĐTB là 3,68. GV là người sẽ xây dựng những bài học, chọn lựa giáo trình và sử dụng những phương pháp dạy học tích cực để gây hứng thú được cho học sinh và góp phần rất lớn vào quá trình phát triển CTGD nhà trường. Xếp thứ 3 là “Sự tham gia

của người học vào các quyết định về chương trình” với ĐTB là 3,51. Xếp thứ 4 là “ Sự hợp tác của nhà trường với các chuyên gia và các cơ sở giáo dục khác trong phát triển chương trình” đạt ĐTB là 3,45. Xếp thứ 5 là “Sự tham gia của cha mẹ học sinh” đạt ĐTB là 3,36. Yếu tố cuối cùng ít ảnh hưởng đó là “Tác động của cộng đồng dân cư” đạt ĐTB là 3,21.

Như vậy, qua kết quả khảo sát các yếu tố chính ảnh hưởng đến việc QL phát triển CTGD nhà trường đó là : “Quy định, các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo về thực hiện chương trình giáo dục; Sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; Vai trò của Hiệu trưởng”. Bên cạnh đó yếu tố con người là tác động lớn nhất đối với việc tham gia vào QL phát triển CTGD nhà trường, chính vì vậy những người tham gia vào công việc này phải có nhận thức đúng đắn, có kiến thức, kỹ năng về phát triển và ngược lại.

3. Kết luận

Kết quả khảo sát cho thấy, nhìn chung các CQL, GV đã có những nhận thức đúng đắn về vai trò của phát triển CTGD nhà trường theo chương trình GDPT mới. Tuy nhiên, vẫn còn một số CBQL, GV còn hạn chế trong việc nhận thức về vấn đề này, vì vậy việc đề xuất các biện pháp để nâng cao nhận thức về vai trò của phát triển CTGD nhà trường là rất cần thiết cho CBQL, GV nhà trường.

Các hoạt động về chương trình GDNT theo chương trình mới ở các trường tiểu học vùng DTTS, MN huyện Chiêm Hoá đã được triển khai và thực

hiện. Tuy nhiên, các nội dung chưa được đánh giá cao, đặc biệt là khi thiết kế các môn học, thiết kế về nội dung chương trình còn hạn chế, chưa thực sự gắn với thực tiễn của các nhà trường. Cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn lực tài chính xuống cấp, không đủ để đáp ứng cho các hoạt động GD theo chương trình GDPT mới.

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Đình Bôi (2006), Cuốn “*Sổ tay phát triển chương trình đào tạo*”. NXB Nông Nghiệp.

2. Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2010), *Đại cương khoa học quản lý*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Nguyễn Đức Chính (2020), *Giáo trình Quản trị phát triển chương trình giáo dục*, NXB Giáo dục Việt Nam.

4. Bùi Minh Hiền, Nguyễn Vũ Bích Hiền (đồng chủ biên) 2015. *Quản lí và lãnh đạo nhà trường*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

5. Nguyễn Vũ Bích Hiền (2012) “*Các xu hướng phát triển chương trình đào tạo theo quan điểm lấy người học làm trung tâm*”. Tạp chí Giáo dục.

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Công văn số 1949/BGDĐT- GDTH ngày 13/5/2021 về triển khai thực hiện các hoạt động và giải pháp tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số, các trường sử dụng tài liệu “*Hướng dẫn dạy học tăng cường Tiếng Việt cho học sinh Tiểu học vùng DTTS nhằm tăng cường năng lực sử dụng Tiếng Việt cho học sinh Tiểu học vùng DTTS*”

Đánh giá sự phát triển thể lực chuyên môn... (tiếp theo trang 100)

- Sau giai đoạn huấn luyện ban đầu thành tích của tất cả các test thể lực và tốc độ đòn đá Dollyo-chagi và Naeryo-chagi đều có sự phát triển.

+ Thể lực: test chạy 30m XPC tốt hơn 0,15s, nhịp độ tăng trưởng $W=2.69\%$; test bật xa tại chỗ tăng 4,38cm, nhịp độ tăng trưởng $W=3.04\%$; test bật cao tại chỗ tăng 5.74cm, nhịp độ tăng trưởng $W=2.44\%$; test di chuyển ngang 4m trong 10s tăng 0.88 lần, nhịp độ tăng trưởng $W=2.80\%$.

+ Tốc độ đòn: đòn đá Dollyo-chagi thành tích tăng 0.88 lần, nhịp độ tăng trưởng $W=4.54\%$; đòn đá Naeryo-chagi thành tích tăng 0.66 lần, nhịp độ tăng trưởng $W=3.72\%$.

Tài liệu tham khảo

1. Dương nghiệp Chí (2001), *Kế hoạch huấn luyện dài hạn cho 6 năm cho vận động viên Taekwondo trình độ cao*, Nxb TĐTT, Tp.HCM

2. Nguyễn Đăng Khánh (2005), “*Bước đầu nghiên cứu trình độ tập luyện thể lực và kỹ thuật đội tuyển Taekwondo quốc gia*”, Luận văn Thạc sĩ giáo dục học.

3. Huỳnh Hồng Ngọc (2010), “*Đánh giá trình độ thể lực và kỹ thuật của nữ Vận Động Viên trẻ đội tuyển Taekwondo Thành Phố hồ Chí minh*”, Luận văn Thạc sĩ giáo dục học.

5. Lâm Quang Thành (2004), “*Nghiên cứu xây dựng hệ thống bài tập phát triển sức mạnh chuyên biệt dành cho vận động viên Taekwondo và Judo Thành Phố Hồ Chí Minh*”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố.

6. Đỗ Vĩnh, Huỳnh Trọng Khải (2008), *Thống kê học trong TĐTT*, Nxb TĐTT, Tp.HCM

7. Đỗ Vĩnh, Trịnh Hữu Lộc (2010), *Đo lường Thể thao*, Nxb TĐTT, Tp.HCM